

Bản án số: 110/ 2019/DS-PT.

Ngày: 10/7/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người
chết để lại, đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Ông Lê Văn Quý.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2019/QĐ-PT ngày 30/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 240/2019/QĐ-PT ngày 18/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Quang Q, sinh năm 1984 (đã chết năm 2018).

Địa chỉ: Nhà số 106, đường 6, khu phố 4, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm:

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: 14/2B Trần Nãi, khu phố 3, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Trương Thị B, sinh năm 1986.

+ Cháu Cháu Ngô Nhất T1, sinh năm 2009.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Thiên: Bà Trương Thị B, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Nhà số 106, đường 6, khu phố 4, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thu, Bà Bông: Bà Ngô Thị Thu V, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 140/5K Mễ Cốc, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1932.

Địa chỉ: Khu C261, tổ 18, ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Chánh: Ông Lê Huy H2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

+ Bà Cao Lệ H, sinh năm: 1970.

+ Anh Trần Công V, sinh năm: 1992.

+ Anh Trần Công C, sinh năm: 1992.

+ Anh Trần Công H1, sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ: Khu C261, tổ 18, ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà H, anh V, anh C, anh H: Ông Lê Huy H2, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Tuấn A, sinh năm: 1967.

+ Bà Nguyễn Kim H3, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Trần Thị Cao K, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu C261, tổ 18, ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà T2 và chị K: Ông Lê Huy H2.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Lê Huy H2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Cao Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Ngô Quang Q trình bày:

Ngày 11/6/2012, Ông Ngô Quang Q cho ông Trần Thanh P vay số tiền 120.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền được Văn phòng Công chứng Khải Nguyên công chứng số 1081 quyền số 01/2012.SCC/HĐTC. Ông P thế chấp cho ông Q quyền sử dụng đất diện tích 707.9m² thửa 161, 164 tờ bản đồ số 64 (thửa cũ 757, tờ bản đồ cũ 16) tại xã Đ, đất được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị C (mẹ ông P) nhưng bà C ủy quyền cho ông P toàn quyền sử dụng, thế chấp.

Ngoài ra, ông Q còn cho ông P vay số tiền 40.000.000 đồng theo giấy viết tay đề ngày 18/01/2012.

Ngày 12/11/2013, Ông Ngô Quang Q đã cho ông Trần Thanh P vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm được Văn phòng công chứng Thủ Thiêm công chứng số 002276 quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

Đến ngày 10/12/2014, tại UBND xã Đ, sau khi ông P chết Bà Trần Thị Thanh T2 là chị ruột của ông P trả cho ông Q số tiền 300.000.000 đồng đối với hợp đồng vay được Văn phòng công chứng Thủ Thiêm công chứng số 002276. Sau khi nhận tiền, ông Q đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị C cho bà H, bà T2. Còn số tiền 160.000.000 đồng thì chưa ai trả cho ông Q.

Nay ông Q yêu cầu Bà Cao Lê H vợ ông P trả cho ông Q số tiền 160.000.000 đồng mà ông P vay của ông Q khi ông còn sống chưa trả. Ông Q rút yêu cầu khởi kiện với Bà Nguyễn Thị C, Anh Trần Công V, Anh Trần Công C, Anh Trần Công H2 và rút yêu cầu tranh chấp tiền lãi.

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Ông Lê Huy H2 đại diện ủy quyền của bị đơn Bà Nguyễn Thị C, Bà Cao Lê H, Anh Trần Công V, Anh Trần Công C, Anh Trần Công H1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Cao Thanh Kiều trình bày:

Việc ông Trần Thanh P có vay của anh Ngô Quang Q số tiền tổng cộng 460.000.000 đồng hay không thì phía bị đơn không biết và không sử dụng số tiền vay trên.

Sau khi ông P chết, bà T2 và ông Q có ra UBND xã Đ lập biên bản làm việc và đã trả cho ông Q số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi trả tiền, ông Q đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Chánh. Bà T2 và ông Q thống nhất sau khi trả 300.000.000 đồng thì gia đình không phải trả nợ gì thêm cho ông Q nữa.

Nay ông Q kiện yêu cầu chị Cao Lê Hà, Bà Nguyễn Thị C, các con là Trần Công V, Trần Công C, Trần Công H2 phải trả cho ông Q số tiền 160.000.000 đồng, Ông H1 đại diện ủy quyền cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan không đồng ý với lý do nguyên đơn không chứng minh được việc có giao tiền cho ông P và bị đơn cũng không có liên quan gì.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh T2 có đại diện ủy quyền Ông Lê Huy H2 trình bày:

Sau khi ông P chết, ông Q nhiều lần cho người xuống nhà đe dọa yêu cầu mẹ bà T2 là Bà Nguyễn Thị C trả tiền của ông P vay mặc dù số tiền vay đó gia đình không ai sử dụng và không biết đến. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên ngày 10/12/2014 bà T2 giao cho ông Q số tiền 250.000.000đồng, ngày 16/01/2015 giao tiếp 50.000.000đồng, tổng hai lần giao là 300.000.000đồng, sau khi trả tiền ông Q đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà C đồng thời hai bên cam kết kể từ ngày 16/01/2015 giữa ông P và ông Q không còn nợ gì với nhau.

Ông Q sau khi nhận số tiền 300.000.000đồng vẫn tiếp tục khởi kiện bà C cùng vợ con ông P đòi số tiền 160.000.000đồng. Nhận thấy bản thân bà T2 không vay tiền cũng không sử dụng tiền vay nên không có nghĩa vụ phải trả.

Nay Ông H1 đại diện ủy quyền cho bà T2 xác định yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện độc lập yêu cầu Ông Ngô Quang Q trả lại số tiền 300.000.000đồng mà bà T2 đã giao ông Q và tiền lãi 54.000.000đồng

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Trần Tuấn A và Bà Nguyễn Kim H3 trình bày:

Vợ chồng ông Tuấn A, bà Kim H3 nhận chuyển nhượng diện tích đất 6.399m² thửa 529, tờ bản đồ số 22 tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai từ Bà Cao Lệ H từ tháng 12/2016 với giá 100.000.000đồng. Ông A, bà H3 đã được sang tên trên giấy CNQSD đất số CE 953600 cấp ngày 05/12/2016. Từ khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông bà sử dụng diện tích đất trên để trồng trọt. Nay ông bà không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này, nếu có yêu cầu ông bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ông Tuấn A, bà Kim H3 yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

Tại bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 256, 471, 474, 637 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ngô Quang Q đối với bị đơn Bà Cao Lệ H về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

Tuyên xử:

Buộc Bà Cao Lệ H phải trả cho Ông Ngô Quang Q số tiền 107.980.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ngô Quang Q đối với bị đơn Bà Cao Lệ H về tranh chấp số tiền 52.020.000 đồng.

Bác Yêu cầu của Bà Trần Thị Thanh T2 về tranh chấp đòi lại số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 54.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Quang Q về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với bà Chánh, anh V, anh C, anh H.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Quang Q về tranh chấp số tiền lãi đối với bà Chánh, bà H, anh V, anh C, anh H.

Về án phí: Bà H phải chịu 5.399.000 đồng, bà T2 phải chịu 17.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 8.850.000 đồng bà T2 đã nộp theo Biên lai thu số 002579 ngày 06/3/2018 của Chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch, bà T2 phải nộp thêm số tiền 8.850.000 đồng.

Ông Q phải chịu 2.601.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 009635 ngày 08/4/2015 của Chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch, trả lại cho ông Q 1.399.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá: Bà H phải chịu 8.049.000 đồng để trả lại cho ông Q 8.049.000 đồng.

Về chi phí giám định: Bà T2, bà H, anh V, anh C, anh H, chị K phải chịu 4.800.000 đồng theo quy định pháp luật (đã nộp xong)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2018 và ngày 18/7/2018, Ông Lê Huy H2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Cao Lê H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh T2 kháng cáo bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ngô Quang Q và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh T2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 11/6/2012, ông Trần Thanh P có vay Ông Ngô Quang Q số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 18/01/2012, ông P vay ông Q số tiền 40.000.000 đồng được bà H, bà T2 thừa nhận. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông P có vay ông Q số tiền 160.000.000 đồng. Việc bà Nguyễn Thị Thanh Thúy yêu cầu Ông Ngô Quang Q trả lại số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 54.000.000 đồng là không có cơ sở vì chính bà T2 là người làm đơn yêu cầu xã Đ hòa giải, giữa bà T2 và ông Q hòa

giải thành, bà T2 đồng ý trả 300.000.000 đồng mà ông P em bà khi còn sống vay ông Q và ông Q trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông P thế chấp, việc thỏa thuận trên là sự tự nguyện của bà T2 và ông Q, không trái quy định pháp luật. Yêu cầu kháng cáo là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Lê Huy H2 - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Cao Lê H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh T2 trong hạn luật định, các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ngô Quang Q: Tại Điều 1 Hợp đồng cho vay tiền ngày 11/6/2012 ký giữa bên cho vay Ông Ngô Quang Q và bên vay ông Trần Thanh P được Văn phòng công chứng Khải Nguyên công chứng số 1081 có nội dung: “Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 120.000.000 đồng”, Điều 4 hợp đồng có nội dung: “Bên B bằng lòng thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình thông qua hợp đồng ủy quyền là quyền sử dụng đất số K 156 831..., Khoản 1 Điều 5 hợp đồng có nội dung: “Bên B giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bên A giao tiền”. Thực tế ông P đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q giữ sau khi hai bên công chứng hợp đồng.

Ông H2 đại diện cho bà H cho rằng kết luận giám định không xác định được là chữ ký có phải ông P ký hay không trong tờ giấy vay tiền đề ngày 18/01/2012 và tờ nhận tiền đề ngày 11/06/2012 nên không thể chứng minh được ông P có vay tiền của ông Q, tuy nhiên việc giao nhận tiền giữa ông P và ông Q đối với số tiền 40 triệu đồng được bà H xác nhận là có giao (theo bản tự khai bút lục số 39, bản tường trình bút lục 153, biên bản hòa giải bút lục 49 và biên bản lấy lời khai bút lục 227).

Do đó, có đủ căn cứ xác định ông P có nợ ông Q số tiền 160.000.000 đồng.

Ông P chết ngày 06/10/2014. Ông P đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 5.399m² thuộc thửa 529, tờ bản đồ số 22 tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc đất do ông P nhận chuyển nhượng từ năm 2009. Đại diện bà H xác định tài sản trên do vợ chồng nhận chuyển nhượng do đó có cơ sở xác định đây là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông P, bà H.

Ông P chết để lại di sản là 1/2 trong khối tài sản chung vợ chồng giữa ông và bà H quyền sử dụng đất 5399m² thuộc thửa 529, tờ bản đồ 22 tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Ngày 22/7/2016, hàng thừa kế thứ nhất của ông P đã mở thừa

kế, theo văn bản phân chia di sản thừa kế toàn bộ di sản của ông P được chia cho bà H hưởng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 637 bộ luật dân sự 2005: “Những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại và tại khoản 3 quy định: Trong trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mình đã nhận.

Di sản ông P để lại là quyền sử dụng đất 2699.5m² bà H hưởng có giá trị: 2699.5 m² x 40.000 đồng/ m² = 107.980.000 đồng.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông P, trả cho ông Q 107.980.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh T2:

Bà Trần Thị Thanh T2 yêu cầu Ông Ngô Quang Q trả lại số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 54.000.000 đồng, lý do bà T2 không vay tiền nên không có nghĩa vụ trả và thời điểm giao ông Q 300.000.000 đồng bà bị đe dọa và không hiểu biết pháp luật. Tuy nhiên, theo chứng cứ các bên cung cấp, bà T2 là người làm đơn yêu cầu xã Đ hòa giải, giữa bà T2 và ông Q hòa giải thành, bà T2 đồng ý trả 300.000.000 đồng mà ông P em bà khi còn sống vay ông Q và ông Q trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông P thế chấp, việc thỏa thuận trên là sự tự nguyện của bà T2 và ông Q, không trái quy định pháp luật, ông Q nhận số tiền trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của Thúy không chiếm giữ trái pháp luật, không có chứng cứ chứng minh bà T2 bị lừa dối đe dọa. Do đó, việc bà T2 yêu cầu trả 300.000.000 đồng và tiền lãi 54.000.000 đồng không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà T2 là có căn cứ.

[3.3] Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hùng, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về các phần này.

[4] Ông Ngô Quang Q đã chết vào ngày 22/12/2018 (Trích lục khai tử - BL 537), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q được xác định gồm: Bà Phạm Thị T (mẹ ông Q), Bà Trương Thị B (vợ ông Q) và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 (con ông Q). Do đó, cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc Bà Cao Lệ H phải trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Ngô Quang Q là Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 số tiền 107.980.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà Cao Lệ H phải chịu 5.399.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị Thanh T2 phải chịu 17.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng dân sự phúc thẩm.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Ngô Quang Q là Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 phải chịu 2.601.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Cao Lệ H phải chịu 8.049.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản. Do ông Q đã nộp tạm ứng số tiền

này nên buộc bà H phải trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Ngô Quang Q là Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 8.049.000 đồng.

Bà T2, bà H, anh V, anh C, anh H, chị K phải chịu 4.800.000 đồng chi phí giám định (đã nộp xong).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

[8] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256, 471, 474, 637 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ngô Quang Q đối với bị đơn Bà Cao Lệ H về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc Bà Cao Lệ H phải trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Ngô Quang Q là Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 số tiền 107.980.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ngô Quang Q đối với bị đơn Bà Cao Lệ H về tranh chấp số tiền 52.020.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị Thanh T2 về tranh chấp đòi lại số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 54.000.000 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Quang Q về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với bà Chánh, anh V, anh C, anh H.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Quang Q về tranh chấp số tiền lãi đối với bà Chánh, bà H, anh V, anh C, anh H.

6. Về án phí: Bà Cao Lệ H phải chịu 5.399.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 004040 ngày 23/7/2018 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, bà H phải nộp tiếp 5.399.000đ (Năm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Trần Thị Thanh T2 phải chịu 17.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng dân sự phúc thẩm. Khấu trừ các số tiền tạm ứng án phí bà T2 đã nộp 8.850.000 đồng theo biên lai thu số 002579 ngày 06/3/2018 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 004041 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, bà T2 còn phải nộp tiếp 8.850.000đ (Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Ngô Quang Q là Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 phải chịu 2.601.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng ông Q đã nộp theo biên lai thu số 009635 ngày 08/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Hoàn trả cho Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.399.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

7. Về chi phí tố tụng: Bà Cao Lệ H phải chịu 8.049.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản. Do ông Q đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc bà H phải trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Ngô Quang Q là Bà Phạm Thị T, Bà Trương Thị B và Cháu Cháu Ngô Nhất T1 8.049.000đ (Tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Bà Trần Thị Thanh T2, Bà Cao Lệ H, Anh Trần Công V, Anh Trần Công C, Anh Trần Công H1, chị Trần Cao Thanh Kiều phải chịu 4.800.000 đồng chi phí giám định (đã nộp xong).

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhu

